

Bản án số: **10/2023/KDTM-PT**
Ngày 12/01/2023
V/v “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - Kiểm sát viên

Trong các ngày 09 và 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 114/2022/TLPT-KDTM ngày 17/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 14/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện SS, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 409/2022/QĐ-PT ngày 24/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 446/2022/QĐ-PT ngày 08/9/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 467/2022/QĐ-PT ngày 20/9/2022; Thông báo về việc thời gian mở lại phiên tòa số 587/2022/TB-TA ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty A

Địa chỉ: đường TTT phường TN, thành phố ND, tỉnh Nam Định

Người đại diện theo pháp luật: Ông H1 – Giám đốc; có mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông P1, sinh năm 1990; Ông T1, sinh năm 1998. Cùng địa chỉ: đường TVB, phường XP, quận NTL, thành phố Hà Nội; ông P1 có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông T2, Luật sư của Công ty Luật TM, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: đường LĐT, phường MĐ2, quận NTL, thành phố Hà Nội; có mặt

-Bị đơn: Công ty C

Địa chỉ: Khu công nghiệp NB, xã QT, huyện SS, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật:

+Ông D1 – Tổng giám đốc; có đơn xin vắng mặt

+Ông K1 - Giám đốc; có mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đ1 và bà H2. Địa chỉ: phố NTĐ, phường TH, quận CG, thành phố Hà Nội; ông Đ1 và bà H2 có mặt

Người phiên dịch của ông D1: Bà L1, sinh năm 1994, nhân viên Công ty C; là cử nhân ngôn ngữ Anh do Trường Đại học X cấp; vắng mặt

Người làm chứng:

1.Công ty D; vắng mặt

Địa chỉ: phố DT, phường DVH, quận CG, thành phố Hà Nội

2.Công ty E

Địa chỉ: đường HN, phường TB, Quận n, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: ông C1 – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà T3; Bà D2; Bà H3; bà T3 có mặt

3.Công ty F

Địa chỉ: đường TK, TT, huyện TT, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông G1– Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T4– Phó Giám đốc. Địa chỉ liên hệ: đường TH, quận NTL, thành phố Hà Nội; có mặt

4.Công ty G

Địa chỉ: Phố T, XG, huyện SS, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông C1 – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông L2 – Trưởng phòng giám sát xây dựng; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/10/2019, Công ty A (Sau đây gọi là "Công ty A" hoặc "Nhà thầu") đã ký kết Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 25/10/2019 (kèm theo Phụ lục 01) (Sau đây gọi là "Hợp đồng") với Công ty C (Sau đây gọi là "Công ty C" hoặc "Chủ đầu tư"). Theo Hợp đồng, Công ty A là nhà thầu sẽ thi công dự án: Cung cấp và lắp đặt nhà xưởng cho Chủ đầu tư – Công ty C tại địa chỉ của Chủ đầu tư là Khu công nghiệp NB, xã QT, huyện SS, thành phố Hà Nội. Giá trị Hợp đồng tạm tính là: 6.098.801.398 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ không trăm chín mươi tám triệu tám trăm linh một nghìn, ba trăm chín mươi tám đồng). Sau khi ký kết Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 25/10/2019, Công ty A đã thực hiện thi công xây lắp nhà xưởng cho Công ty C nhưng Công ty C vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng cam kết tại Điều 4.2 của Hợp đồng. Theo Điều 4.2 của Hợp đồng, việc Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu sẽ được thực hiện theo 04 giai đoạn như sau:

+ Giai đoạn 01: Công ty C tạm ứng cho Công ty A một khoản tiền bằng 30% tổng giá trị hợp đồng khi Công ty A cung cấp một bảo lãnh tạm ứng.

+ Giai đoạn 02: Công ty C sẽ thanh toán tới 60% tổng giá trị hợp đồng (bao gồm cả phát sinh nếu có) trong vòng 05 ngày làm việc sau khi Công ty A gửi bộ yêu cầu thanh toán bao gồm: Đề nghị thanh toán, Biên bản nghiệm thu giai đoạn hạng mục xà gồ và tập kết toàn bộ tôn mái và tấm panel tường về công trường.

+ Giai đoạn 03: Công ty C thanh toán tới 90% tổng giá trị hợp đồng (bao gồm cả phát sinh nếu có) trong vòng 05 ngày làm việc sau khi Công ty A gửi bộ yêu cầu thanh toán bao gồm: Đề nghị thanh toán, Biên bản nghiệm thu giai đoạn hạng mục đổ nền bê tông.

+ Giai đoạn 04: Công ty C thanh toán đến 100% tổng giá trị hợp đồng (bao gồm cả phát sinh nếu có) sau khi Công ty A gửi yêu cầu thanh toán bao gồm: Đề nghị thanh toán, Hóa đơn VAT, Biên bản bàn giao và nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng, một bảo lãnh bảo hành tương đương 5% tổng giá trị hợp đồng.

Thực hiện theo hợp đồng, hai bên đã hoàn thành các công việc của Giai đoạn 01 và Công ty C đã thanh toán tiền tạm ứng cho Công ty A số tiền tạm ứng là 1.829.640.419 đồng (Một tỷ tám trăm hai mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi ngàn bốn trăm mười chín đồng). Nhà thầu đã gửi Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo đúng quy định của hợp đồng đã ký.

Sau đó, Công ty A tiếp tục thi công công trình theo hợp đồng và đã hoàn thành nghĩa vụ của nhà thầu để đáp ứng điều kiện thanh toán của Giai đoạn 02. Ngày 24/12/2019, Công ty A đã gửi Giấy đề nghị thanh toán Giai đoạn 02 tới Chủ đầu tư. Biên bản nghiệm thu hiện trường đã được hai bên xác nhận vào ngày 03/01/2020. Theo quy định tại Điều 4.2 của Hợp đồng và theo Giấy đề nghị thanh toán, Công ty C có nghĩa vụ thanh toán đến 60% tổng giá trị hợp đồng (bao gồm cả phát sinh nếu có), tức là tiếp tục thanh toán cho Công ty A số tiền là 2.107.809.046 đồng (Hai tỷ,

một trăm linh bảy triệu, tám trăm linh chín nghìn, không trăm bốn mươi sáu đồng). Tuy nhiên, Chủ đầu tư – Công ty C chỉ thanh toán cho Nhà thầu số tiền là 1.097.784.252 đồng (Một tỷ, không trăm chín mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi tư nghìn, hai trăm năm mươi hai đồng) cho giai đoạn thanh toán thứ 2.

Do chủ đầu tư có thay đổi về thiết kế, làm phát sinh khối lượng thi công, hai bên đã ký kết thêm các Phụ lục Hợp đồng bao gồm: Phụ lục 02 – Điều chỉnh và thay đổi cửa exit, cửa sổ, khung xương thép hộp; Phụ lục 03 – Phát sinh phần xây dựng; và Phụ lục 04 – Phát sinh cửa thép chống cháy.

Mặc dù không được Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, Nhà thầu – Công ty A, với thiện chí và nỗ lực để hoàn thành công trình, đã tiếp tục thực hiện các hạng mục thi công. Ngày 04/01/2020, sau khi hoàn tất các hạng mục tiếp theo, hoàn thiện phần đổ nền bê tông, Nhà thầu đã có Thông báo "V/v nghiệm thu hạng mục đổ nền bê tông" gửi Chủ đầu tư. Tuy nhiên, Chủ đầu tư – Công ty C đã tìm nhiều lý do để từ chối nghiệm thu công trình, từ chối thanh toán cho Nhà thầu.

Đặc biệt, ngày 17/01/2020, Chủ đầu tư – Công ty C có Công văn số 05/CV-3PAVN gửi cho Nhà thầu – Công ty A, theo đó thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng. Sau khi đơn phương chấm dứt hợp đồng, tại hiện trường công trình, Chủ đầu tư đã ngăn cản, không cho Nhà thầu được vào tiếp tục thi công và cũng không cho Nhà thầu thu dọn các máy móc, thiết bị, vật tư chưa sử dụng của Nhà thầu ra khỏi công trường. Từ thời điểm đó đến nay, Chủ đầu tư không thực hiện thêm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào cho Nhà thầu theo Hợp đồng đã ký kết. Mặt khác, toàn bộ công trình nhà xưởng đã được Chủ đầu tư đưa vào sử dụng để sản xuất kinh doanh.

I. Các cơ sở để yêu cầu Bị đơn – Công ty C thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng:

1. Nhà thầu – Công ty A đã đáp ứng đầy đủ điều kiện thanh toán theo hợp đồng đã ký.

a. Các điều kiện thanh toán theo Điều 4.2 của Hợp đồng

Điều 4.2 của Hợp đồng quy định cụ thể về "Điều kiện thanh toán". Theo đó, việc thanh toán được Công ty C thực hiện khi Công ty A đáp ứng các điều kiện tương ứng với từng giai đoạn thi công:

- Giai đoạn 01 - Thanh toán tạm ứng: Công ty A đã cung cấp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Nhà thầu đã được Chủ đầu tư thanh toán khoản tiền tạm ứng theo hợp đồng.

- Giai đoạn 02: Công ty A đã cung cấp cho Chủ đầu tư: Đề nghị thanh toán; Biên bản nghiệm thu giai đoạn hạng mục xà gồ và tập kết toàn bộ tôn mái cùng tám panel tường về công trường. Tuy nhiên, Chủ đầu tư không thanh toán đầy đủ cho

Nhà thầu theo hợp đồng mà chỉ thanh toán khoảng 50% giá trị của Giai đoạn thanh toán thứ 2.

- Giai đoạn 03: Nhà thầu – Công ty A tiếp tục thi công và đã hoàn thành hạng mục đổ bê tông nền, sau đó đã gửi Thông báo ngày 04/01/2020, yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện công tác nghiệm thu giai đoạn này. Theo quy định của hợp đồng, Chủ đầu tư có nghĩa vụ thanh toán đến 90% giá trị hợp đồng (bao gồm cả phát sinh nếu có) cho Nhà thầu. Công ty A đã nhiều lần gửi yêu cầu cho Chủ đầu tư, yêu cầu Công ty C thanh toán Giai đoạn 03 theo hợp đồng, nhưng Công ty C lấy lý do về chất lượng và tiến độ thi công để không thực hiện nghiệm thu, thanh toán cho Nhà thầu.

Ngày 17/01/2020, Chủ đầu tư – Công ty C có văn bản số 05 gửi cho Nhà thầu – Công ty A, thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng. Kể từ thời điểm này, Chủ đầu tư đã ngăn cản, khiến Công ty A không thể tiếp cận, hoàn thiện công trình. Hành vi này của Chủ đầu tư khiến cho Giai đoạn 04 – giai đoạn nghiệm thu, bàn giao công trình không thể thực hiện được.

b. Các điều kiện về chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật đặc biệt của công trình

Hợp đồng có quy định cụ thể về chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật đặc biệt của công trình tại Điều 5. Công ty A đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện về chất lượng công trình liên quan đến: (i) Chất lượng vật tư đúng quy định; (ii) Tháo dỡ và xử lý phế liệu; (iii) Công tác cải tạo; (iv) Công tác lắp đặt, xây mới.

Liên quan đến chất lượng thi công bê tông nền của Giai đoạn 03, Nhà thầu đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu chất lượng theo Điều 5 của Hợp đồng, đó là:

- Phần nền bê tông: Đóng đỉnh sâu xuống nền 15 cm, khoảng cách 1 mét 1 thanh;

- Bê tông dày tối thiểu 10 cm mác 250, dung sai cho độ phẳng là 20 mm.

Mặt khác, trong toàn bộ các văn bản, tài liệu liên quan trong vụ án, Chủ đầu tư – Công ty C không phủ nhận việc Nhà thầu đã đáp ứng các điều kiện chất lượng căn cứ tại Điều 5 của Hợp đồng.

Vì vậy, Công ty A đã đáp ứng đủ các điều kiện về chất lượng công trình đã được quy định cụ thể trong hợp đồng.

c. Tiến độ thi công công trình

Công ty A luôn nỗ lực thi công liên tục để hoàn thành nghĩa vụ về tiến độ thi công công trình theo hợp đồng đã ký. Khi Giai đoạn thanh toán thứ 2 đã hoàn thành, mặc dù Chủ đầu tư không thanh toán đầy đủ số tiền của Giai đoạn này (Công ty C chỉ thanh toán khoảng 50% giá trị của Giai đoạn thanh toán thứ 2), Công ty A không trì hoãn và vẫn tiếp tục thực hiện thi công.

Mặt khác, trong quá trình thi công, chủ đầu tư liên tục có thay đổi về thiết kế, làm phát sinh khối lượng thi công. Hai bên đã ký kết thêm các Phụ lục Hợp đồng bao gồm: Phụ lục 02 – Điều chỉnh và thay đổi cửa exit, cửa sổ, khung xương thép

hộp; Phụ lục 03 – Phát sinh phần xây dựng; và Phụ lục 04 – Phát sinh cửa thép chống cháy. Việc liên tục có các phần phát sinh khối lượng thi công đã ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình theo hợp đồng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 39 của Nghị định 37/2015/NĐ-CP quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, tiến độ thi công sẽ được điều chỉnh khi thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của bên giao thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng. Vì vậy, điều kiện về tiến độ theo hợp đồng luôn được Nhà thầu đáp ứng đầy đủ.

2. Chủ đầu tư đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng

a. Nghĩa vụ nghiệm thu, thanh toán

Căn cứ Điều 11 của Hợp đồng, Công ty C đã vi phạm nghĩa vụ của Chủ đầu tư, đó là:

- Chuẩn bị và tổ chức nghiệm thu kịp thời phần việc bên B đã thực hiện để chuyển bước thực hiện công việc tiếp theo;
- Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 112 Luật Xây dựng, việc tổ chức nghiệm thu, thanh toán là nghĩa vụ của Chủ đầu tư. Liên quan đến Giai đoạn thanh toán thứ 2, Công ty C đã thực hiện nghiệm thu số lượng vật tư đã tập kết tại công trình (Biên bản nghiệm thu hiện trường ngày 03/01/2020), nhưng chỉ thanh toán cho Nhà thầu – Công ty A số tiền bằng khoảng 50% số tiền mà Chủ đầu tư có nghĩa vụ phải thanh toán cho Nhà thầu cho giai đoạn này theo Hợp đồng đã ký. Còn đối với Giai đoạn thanh toán thứ 3, sau khi Công ty A hoàn thiện hạng mục đổ nền bê tông đúng theo yêu cầu được quy định trong hợp đồng, thì Công ty C đã không thực hiện nghĩa vụ nghiệm thu, thanh toán đến 90% giá trị hợp đồng cho Nhà thầu. Ngày 17/01/2020, Chủ đầu tư đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật và ngăn cản không cho Nhà thầu – Công ty A được tiếp cận công trường, tiếp tục thi công, hoàn thiện công trình để nghiệm thu, bàn giao, quyết toán công trình trước khi đưa công trình vào sử dụng theo đúng quy định.

Việc vi phạm nghĩa vụ của Chủ đầu tư cũng làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình. Căn cứ Điều 3 của Hợp đồng, "Nếu Bên A (Công ty C) không thanh toán đúng hạn cho Bên B (Công ty A), thời gian chậm thanh toán sẽ được tính thêm vào tiến độ xây dựng, và Bên A sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh của Bên B do thanh toán trễ...".

Dù công trình chưa được tiến hành nghiệm thu, thanh toán, bàn giao nhưng Công ty C vẫn đưa công trình vào sử dụng để sản xuất kinh doanh. Việc làm này của Công ty C đã vi phạm quy định về điều kiện nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng tại Điều 6 của Hợp đồng, đồng thời cũng vi phạm Điều 123, Điều 124 Luật Xây dựng.

3. Chủ đầu tư đã đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật

Ngày 17/01/2020, đại diện Công ty C đã có văn bản số 05 gửi Công ty A, thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng kể từ ngày 17/01/2020. Đồng thời, Chủ đầu tư đã yêu cầu Công ty A rút khỏi công trường kể từ 17h ngày 17/01/2020. Căn cứ khoản 5 Điều 41 Nghị định 37/2015/NĐ-CP quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, thì "Trước khi một bên chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước một khoảng thời gian nhất định theo thỏa thuận trong hợp đồng nhưng không ít hơn hai mươi tám (28) ngày, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác và trong đó phải nêu rõ lý do chấm dứt hợp đồng. Nếu bên chấm dứt hợp đồng không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì phải bồi thường thiệt hại cho bên kia." Trong Hợp đồng không có điều khoản quy định việc chấm dứt hợp đồng, vì vậy, áp dụng khoản 5 Điều 41 của Nghị Định 37/2015/NĐ-CP, Công ty C có nghĩa vụ phải thông báo trước cho Công ty A ít nhất 28 (hai mươi tám) ngày trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty C đã không thông báo trước mà ngay lập tức thực hiện việc đơn phương chấm dứt hợp đồng, đồng thời yêu cầu Nhà thầu – Công ty A ngay lập tức phải rút khỏi công trường, không được phép tiếp cận, hoàn thiện công trình theo hợp đồng. Chủ đầu tư – Công ty C cũng không cho Nhà thầu được rút các vật tư thừa chưa sử dụng của Nhà thầu ra khỏi công trường. Ngày 18/01/2020, Công ty A đã có email gửi Công ty C, đề nghị Công ty C để Nhà thầu vào công trường thu dọn vật tư thừa và trang thiết bị của Nhà thầu.

Cho đến nay, công trình đã được Công ty C sử dụng bình thường để sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, Công ty C vẫn không thực hiện nghĩa vụ nghiệm thu, thanh toán cho nhà thầu – Công ty A theo đúng hợp đồng đã ký kết. Việc sử dụng công trình của Chủ đầu tư – Công ty C mà chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán cho Nhà thầu – Công ty A, chưa được Nhà thầu bàn giao công trình là vi phạm nghiêm trọng quy định của hợp đồng đã ký, đồng thời vi phạm quy định của Điều 112 Luật Xây dựng năm 2014 về nghĩa vụ của Chủ đầu tư.

Chính vì vậy, căn cứ Điều 112, Điều 123, Điều 124 Luật Xây dựng, căn cứ Điều 39, Điều 41 Nghị định 37/2015/NĐ-CP, căn cứ hợp đồng đã ký giữa hai bên, Công ty A kính đề nghị Tòa án buộc Công ty C tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký kết và phải thanh toán cho Công ty A số tiền như sau:

- Số tiền chưa thanh toán theo hợp đồng đã ký giữa hai bên là: 3.517.650.175 đồng (Ba tỷ năm trăm mười bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng).

- Tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán (căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015) tạm tính kể từ ngày Công ty C đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật, tức là từ ngày 17/01/2020 đến nay, tạm tính là: 850.098.792 đồng.

Tổng số tiền mà Công ty C phải thanh toán cho Công ty A là: 4.367.748.967 đồng.

Công ty A kính đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu của Công ty A theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công ty.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn là Công ty C về việc Công ty A vi phạm hợp đồng về tiến độ thi công:

Đến hạn ngày 19/12/2019 vẫn chưa thi công xong để bàn giao công trình dẫn đến Công ty C phải thuê văn phòng cho nhân viên làm việc. Cụ thể là thuê văn phòng của Công ty D theo hợp đồng số 09/2019 ngày 25/7/2019 và phụ lục hợp đồng số 08, 09, 10 có tổng số tiền thuê văn phòng từ ngày 01/03/2020 đến ngày 31/5/2020 là 99.947.029 đồng.

Tiền thuê kho bãi lưu máy nhập khẩu tại bãi và kho cảng HP: Cũng vì việc Công ty A vi phạm hợp đồng về tiến độ thi công nên máy móc công ty không thể đưa về lắp đặt tại nhà xưởng được mà phải thuê kho bãi để lưu tại cảng HP từ ngày 29/12/2019 đến ngày 07/07/2020 với chi phí 250USD/ngày/1container. Tổng số tiền thuê kho trong thời gian này là 1.148.642.312 đồng.

Tiền thuê đơn vị khác hoàn thành nốt công trình để đưa vào sử dụng: Do hết thời hạn hợp đồng mà Công ty A vẫn không thi công xong các hạng mục cửa chống cháy, sửa máng nước và mái tôn, bít cửa, sơn chống cháy của công trình nên công ty phải thuê bên thứ ba thi công nốt công trình để đưa vào sử dụng. Chi phí này hết 420.556.037 đồng.

Phạt vi phạm: Yêu cầu Công ty A phải chịu khoản tiền phạt do vi phạm tiến độ thi công theo Điều 12 của Hợp đồng với số tiền là 731.856.168 đồng.

Tổng số tiền Công ty C yêu cầu Công ty A phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại là 2.401.001.546 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố trên của Công ty C thì Công ty A có ý kiến như sau:

+ Thời điểm Công ty C đưa ra yêu cầu phản tố thì Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Trước đó tất cả các buổi làm việc tại Tòa án để giải quyết vụ án kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng xây dựng giữa hai bên cho đến khi kết thúc phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án, Công ty 3 PA không đưa ra yêu cầu phản tố của mình. Căn cứ khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”. Như vậy thời điểm bị đơn đưa ra yêu cầu phản tố là không phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Mặt khác bị đơn đưa ra yêu cầu phản tố không gửi tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu phản tố cho phía nguyên đơn nên căn cứ khoản 5 Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự: “Khi đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án thì họ phải gửi bản sao tài liệu, chứng cứ cho đương sự khác hoặc người đại diện hợp pháp của

đương sự khác”. Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty A chưa nhận được bất kỳ một văn bản, tài liệu nào từ phía bị đơn liên quan đến nội dung yêu cầu phản tố theo thông báo số 01 của Tòa án nhân dân huyện SS.

+ Về tranh chấp liên quan đến hợp đồng thi công xây dựng công trình được ký kết giữa Công ty A và Công ty C ngày 25/10/2019 có nguyên nhân phát sinh bởi việc Công ty C đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A theo đúng quy định của hợp đồng. Bên cạnh đó, Công ty C đã có hành vi đuổi nhà thầu ra khỏi công trường. Hành vi vi phạm của Công ty C dẫn đến hậu quả là tiến độ xây dựng bị kéo dài mà không do lỗi của nhà thầu. Việc vi phạm của phía Công ty C đã được Công ty A nêu rất cụ thể tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản ý kiến cùng các tài liệu, chứng cứ có liên quan mà Công ty A đã nộp cho Tòa án theo quy định. Vì vậy, Công ty C không có căn cứ để yêu cầu Công ty A phải bồi thường thiệt hại khi chính Công ty C là bên vi phạm nghiêm trọng quy định của hợp đồng cũng như không tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và làm phát sinh tranh chấp.

Vì vậy chúng tôi nhận thấy yêu cầu phản tố của Công ty C hoàn toàn không có căn cứ, trái với quy định của pháp luật. Công ty C đang cố tình kéo dài thời gian giải quyết vụ án của Tòa án gây tổn kém thời gian, công sức của các bên và của Tòa án. Vì vậy chúng tôi đề nghị Tòa án bác toàn bộ đơn yêu cầu phản tố của Công ty C và nhanh chóng đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

1. Về việc ký kết và tiến độ thực hiện hợp đồng thi công xây dựng công trình:

Ngày 25/10/2019, Công ty C và Công ty A có ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 25/10/2019 kèm phụ lục 01 (sau đây gọi là Hợp đồng). Theo Hợp đồng, Công ty A có nghĩa vụ thực hiện các công việc thi công lắp đặt nhà xưởng cho Công ty C được liệt kê và bảo đảm chất lượng đúng theo Phụ lục 01 của Hợp đồng. Tổng giá trị Hợp đồng là 6.098.801.398 VNĐ (sáu tỷ, không trăm chín mươi tám triệu, tám trăm linh một nghìn, ba trăm chín tám đồng), thời gian thi công xây dựng và lắp đặt là 50 (năm mươi) ngày tính từ ngày Công ty C bàn giao mặt bằng cho Công ty A.

Công ty C đã bàn giao mặt bằng cho Công ty A vào ngày 25/10/2019. Như vậy theo Hợp đồng thì hạn cuối là ngày 14/12/2019, Công ty A phải thi công xong và bàn giao các hạng mục công trình cho Công ty C.

Cũng theo Hợp đồng, tiến độ thanh toán theo từng đợt như sau:

+ Thanh toán tạm ứng: Công ty C tạm ứng cho Công ty A một khoản tiền bằng 30% tổng giá trị hợp đồng khi Công ty A cung cấp một bảo lãnh tạm ứng.

+ Thanh toán lần 02: Công ty C sẽ thanh toán tới 60% tổng giá trị hợp đồng (bao gồm cả phát sinh nếu có) trong vòng 05 ngày làm việc sau khi Công ty A gửi

bộ yêu cầu thanh toán bao gồm: Đề nghị thanh toán, Biên bản nghiệm thu giai đoạn hạng mục xà gồ và tập kết toàn bộ tôn mái và tấm panel tường về công trường.

+ Thanh toán lần 03: Công ty C thanh toán tới 90% tổng giá trị hợp đồng (bao gồm cả phát sinh nếu có) trong vòng 05 ngày làm việc sau khi Công ty A gửi bộ yêu cầu thanh toán bao gồm: Đề nghị thanh toán, Biên bản nghiệm thu giai đoạn hạng mục đổ nền bê tông.

+ Thanh toán lần 04: Công ty C thanh toán đến 100% tổng giá trị hợp đồng (bao gồm cả phát sinh nếu có) sau khi Công ty A gửi yêu cầu thanh toán bao gồm: Đề nghị thanh toán, Hóa đơn VAT, Biên bản bàn giao và nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng, một bảo lãnh bảo hành tương đương 5% tổng giá trị hợp đồng.

Ngoài ra hai bên còn ký kết các Phụ lục số 02, 03, 04 sửa đổi, bổ sung hợp đồng, tại các phụ lục hợp đồng này, các bên thống nhất thỏa thuận với nhau các thay đổi về nội dung công việc cần hoàn thành, giá tiền của các hạng mục và hoàn toàn không thỏa thuận về việc thay đổi thời gian thực hiện Hợp đồng. Như vậy, hai bên đồng ý và thống nhất hiểu rằng thời gian thực hiện công việc theo các phụ lục Hợp đồng nêu trên nằm trong thời hạn 50 ngày của Hợp đồng. Nội dung này phù hợp với quy định tại Điều 35 Nghị định số 37/2015/NĐ – CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng: “1. Điều chỉnh hợp đồng bao gồm điều chỉnh khối lượng, điều chỉnh đơn giá, điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng, điều chỉnh giá hợp đồng và các nội dung khác (nếu có) mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng”. Tuy nhiên tính đến thời điểm mà Công ty C có công văn gửi đến Công ty A ngày 17/01/2020 có đề cập: “sau rất nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu hoàn thiện các hạng mục công việc theo Hợp đồng như đã cam kết của nhà thầu để bàn giao công trình đạt chất lượng nhưng Công ty A vẫn không thể thực hiện được khối lượng công việc như đã thỏa thuận”, cụ thể, Công ty A vẫn chưa hoàn thành và bàn giao công trình với chất lượng như đã cam kết theo thỏa thuận.

Căn cứ theo các nội dung trình bày trên, Công ty C có cơ sở để xác nhận rằng Công ty A đã không đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng như đã thỏa thuận.

2. Về quá trình thực hiện Hợp đồng:

a, Tiến độ thanh toán:

Sau khi ký kết và thực hiện Hợp đồng, vào ngày 06/11/2019 Công ty C đã thanh toán cho Công ty A số tiền 1.829.640.419 VNĐ (Một tỷ, tám trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm mười chín đồng), tương đương 30% tổng giá trị Hợp đồng sau khi nhận đầy đủ các giấy tờ của Công ty A theo thỏa thuận về thanh toán tạm ứng của Hợp đồng.

Ngày 10/01/2020, Công ty C tiếp tục thanh toán lần 02 theo đề nghị của Công ty A. Tuy nhiên Công ty C thấy rằng Công ty A thực hiện thi công vi phạm về thời

hạn thực hiện Hợp đồng tới 19 ngày. Theo Điều 12 của Hợp đồng về phạt chậm tiến độ Công ty C hoàn toàn có quyền phạt Công ty A số tiền phạt không vượt quá 12% giá trị Hợp đồng. Theo Điều 4.2 của Hợp đồng về việc thanh toán lần 02: Công ty C sẽ thanh toán tới 60% tổng giá trị hợp đồng (bao gồm cả phát sinh nếu có) trong vòng 05 ngày làm việc sau khi Công ty A gửi bộ yêu cầu thanh toán bao gồm: Đề nghị thanh toán, Biên bản nghiệm thu giai đoạn hạng mục xà gồ và tập kết toàn bộ tôn mái và tấm panel tường về công trường. Theo nội dung trên của hợp đồng, lần thanh toán thứ 02, Công ty C có thể thanh toán đến 60% giá trị Hợp đồng hoặc có thể thanh toán thấp hơn giá trị Hợp đồng.

Do đó, việc Công ty C thanh toán số tiền 1.097.784.225 VNĐ (Một tỷ, không trăm chín mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi tư nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng) cho Công ty A là hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận của hai bên.

Đối với việc thanh toán lần 03 và lần 04 theo Hợp đồng, như đã trình bày ở trên, đối chiếu theo Hợp đồng, Công ty C sẽ chỉ tiến hành việc thanh toán cho từng lần sau khi hoàn tất nghiệm thu công trình theo từng giai đoạn hạng mục và Công ty A cung cấp đầy đủ các chứng từ như đã thỏa thuận. Do Công ty A đã không cung cấp đầy đủ các chứng từ cũng như các bên chưa thống nhất về chất lượng công trình thi công tại giai đoạn đó để có thể nghiệm thu làm cơ sở cho việc thanh toán, nên việc thanh toán các lần 03, 04 chưa thể tiến hành.

b, Thực hiện Hợp đồng của Công ty A:

Ngày 20/12/2019, xét thấy đã quá thời hạn thi công theo Hợp đồng nhưng Công ty A vẫn không hoàn thành đúng chất lượng công trình và chủng loại sản phẩm như đã thỏa thuận đối với một số hạng mục như: Lắp đặt mái nhà, máng nước cửa nhà xưởng, lắp đặt cửa nhựa lõi thép, cửa cuốn, đồ bê tông nhà máy.....nên Công ty C đã gửi thông báo về phạt vi phạm Hợp đồng cho Công ty A theo Điều 12 của Hợp đồng, đồng thời thông báo về việc có thể chấm dứt Hợp đồng nếu Công ty A không hoàn thành theo tiến độ. Thông báo của Công ty C nêu rõ: Trong trường hợp Công ty A không đảm bảo được tiến độ thực hiện, buộc Công ty C phải thuê các nhà thầu khác để đẩy nhanh tiến độ thi công và sẽ được hoàn thành trong thời gian ngắn nhất và chi phí này sẽ được khấu trừ vào tổng số tiền đến hạn phải trả cho Công ty A.

Tuy nhiên, Công ty A vẫn tiếp tục thực hiện không đúng các cam kết và thỏa thuận tại Hợp đồng. Ngày 06/01/2020, Công ty C tiếp tục gửi văn bản cho Công ty A về việc phạt vi phạm hợp đồng do quá thời hạn bàn giao công trình, đồng thời xác định các hạng mục chưa hoàn thành như: lắp đặt nhà xưởng, máng nước nhà xưởng, lắp đặt cửa nhựa lõi thép, sửa chữa và sơn tường trong và ngoài toà nhà, hàn các thanh kết nối ở bên ngoài các tấm bằng silicon, bắn silicon tất cả các ốc vít trên đỉnh

mái, ốp chân tường bên ngoài, hoàn thành tất cả các cửa sổ, vệ sinh các tấm cho các mặt và mái nhà, dọn công trường trước khi bàn giao.

Công ty A lần này qua lần khác thay đổi loại vật liệu không đúng như Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng. Cụ thể là cửa nhựa lõi thép HL (được quy định tại Phụ lục 01) bằng loại khác chất lượng kém hơn, tôn mái sử dụng loại tôn kém chất lượng, khác màu sắc, lưới thép cho nền nhà dùng loại lưới có đường kính 7mm so với Hợp đồng là 8mm, sơn khung nhà máy không đủ độ dày và không đạt chất lượng, sơn tường trong và ngoài tòa nhà cũng được Công ty A sử dụng loại kém chất lượng hơn so với loại sơn do hai bên thống nhất, bốn cửa chống cháy không có chứng nhận chống cháy, bắn keo silicon làm kín các thanh nối tấm panel tường không đầy đủ, không nối đúng cách, mái nhà bị rò rỉ làm thấm, dột nước, máng nước làm không tốt dẫn đến nước tràn vào trong nhà xưởng khi trời mưa to có nguy cơ làm hỏng các máy gia công trị giá hàng triệu đô la Mỹ của công ty, không ốp chân tường bên ngoài để đảm bảo đúng chất lượng cho đến khi chúng tôi có yêu cầu, bê tông nền xưởng lẫn nhiều gỗ vụn và tạp chất làm ảnh hưởng đến chất lượng gia công của máy CNC do bị rung động, không thu dọn công trường khi thực hiện xong mỗi hạng mục ...

Các công việc không hoàn thành đều được đại diện giám sát hai bên xác nhận bằng biên bản. Công ty C cũng đã chụp ảnh các hạng mục không đúng chất lượng thi công của Công ty A để chứng minh cho các nội dung trên gửi cho Tòa án.

Do đó, Công ty C không thể nghiệm thu các hạng mục không đúng chất lượng của Công ty A. Việc không đảm bảo chất lượng công trình của Công ty A không được coi là đã hoàn thành công việc mà không được nghiệm thu theo đúng thời hạn. Như vậy, Công ty A vi phạm Hợp đồng về cả thời hạn bàn giao và chất lượng công trình.

Trong một số văn bản Công ty A gửi Công ty C, Công ty A cho rằng cần thêm thời gian để hoàn thành các hạng mục bổ sung theo các phụ lục cũng như phát sinh thêm do thay đổi của chủ đầu tư, dẫn đến tiến độ thi công bị chậm. Tuy nhiên, các lý do Công ty A đưa ra không có căn cứ, không được hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng cũng như các phụ lục bổ sung được các bên ký kết sau đó và cũng không được Công ty C đồng ý xác nhận bằng văn bản theo quy định tại Điều 7.1 của Hợp đồng. Hơn nữa việc thay đổi, sửa chữa nhiều hạng mục bị thi công lỗi hoặc thi công không đảm bảo chất lượng công trình thuộc về trách nhiệm mà nhà thầu buộc phải thực hiện cả khi chất lượng thi công không đảm bảo theo thỏa thuận, việc nhà thầu lấy lý do đó để cho rằng cần thêm thời gian để thực hiện là không có căn cứ và không có bất kỳ chủ đầu tư nào đồng ý với các lý do không có căn cứ đó.

c, Thiệt hại thực tế của Công ty C do vi phạm hợp đồng của Công ty A

Công ty C đã rất thiện chí trong các buổi làm việc, trao đổi cũng như trong quá trình Công ty A thực hiện công việc tại công trường, tuy nhiên bằng nhiều lý do vô lý của Công ty A dẫn đến hai bên không có sự thống nhất. Việc chậm bàn giao công trình dẫn đến rất nhiều thiệt hại cho Công ty C. Cụ thể việc Công ty A không hoàn thành và bàn giao công trình đúng thời hạn dẫn đến việc Công ty C đã phát sinh thêm các chi phí bao gồm: chi phí thuê văn phòng cho nhân viên, chi phí cho việc lưu máy nhập khẩu tại bãi và tại kho cảng HP (250USD/ngày), chậm trễ trong quá trình đào tạo và quá trình sản xuất, chi phí ăn ở của nhân viên và nhiều chi phí phát sinh khác kèm theo.

Đồng thời, để đảm bảo cho hoạt động của doanh nghiệp giảm thiểu tối đa các thiệt hại do lỗi thi công từ phía nhà thầu, Công ty C đã có thông báo cho Công ty A và tìm kiếm đơn vị nhà thầu khác để hoàn thiện các hạng mục còn sai sót của công trình. Vì vậy, việc công trình có hoàn thiện để đưa vào sử dụng được hay không hoàn toàn không phải do Công ty A thi công thực hiện.

Như vậy, với các thiệt hại thực tế nêu trên, Công ty C hoàn toàn có quyền yêu cầu Công ty A bồi thường theo thực tế được quy định tại điểm k khoản 2 Điều 113 Luật xây dựng năm 2014:

“k. Bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu không đúng chủng loại, không đảm bảo yêu cầu thiết kế được duyệt, thi công không đảm bảo chất lượng, gây ô nhiễm môi trường và hành vi vi phạm khác do mình gây ra”.

3. Ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Vì những lý do nêu trên, Công ty C không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty A, bởi:

- Các công việc phát sinh có liên quan đến công trình không có trong Hợp đồng như: máng nước của nhà xưởng, lắp đặt cửa nhựa lõi thép, sửa chữa và sơn tường trong và ngoài tòa nhà, hàn các thanh nổi ở bên ngoài các tấm bằng silicon, bắn silicon tất cả các ốc vít trên đỉnh mái, ốp chân tường bên ngoài, hoàn thành tất cả các cửa sổ theo trình bày của nguyên đơn thực chất là các công việc cần phải thực hiện để đảm bảo chất lượng của công trình đúng thỏa thuận tại Hợp đồng và không thể là căn cứ để chấp nhận đề nghị giãn tiến độ cũng như xác định Công ty A không vi phạm về tiến độ thực hiện Hợp đồng.

- Công ty A đã có những vi phạm rõ ràng nghĩa vụ trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bao gồm các việc: Không sử dụng đúng loại vật liệu được quy định tại hợp đồng, thi công sai kỹ thuật: kính, sơn, cửa nhựa lõi thép, mái nhà

- Công ty C xác nhận đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng cũng như quy định tại Điều 112: Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư trong việc thi công xây dựng công trình theo Luật xây dựng năm 2014.

- Công ty 3PA đơn phương chấm dứt hợp đồng đúng quy định pháp luật tại Điều 2 Nghị định số 37/2015/NĐ – CP ngày 22/4/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng: “Hợp đồng xây dựng là hợp đồng dân sự được thỏa thuận bằng văn bản giữa bên giao thầu và bên nhận thầu để thực hiện một phần hay toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư xây dựng” và đúng quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2015: “1. Một bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng hoặc các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”

Đồng thời trong quá trình thực hiện hợp đồng, do Công ty A đã có những hành vi vi phạm nghĩa vụ như đã thỏa thuận hợp đồng, Công ty C cũng đã gửi nhiều văn bản về các sai phạm trên cũng như thể hiện quan điểm về việc chấm dứt hợp đồng.

- Với các căn cứ trên, Công ty C không đồng ý thanh toán toàn bộ số tiền 3.517.650.175 VNĐ (Ba tỷ, năm trăm mười bảy triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, một trăm bảy mươi lăm đồng) và số tiền lãi phát sinh như yêu cầu của Công ty A. Công ty C chỉ đồng ý thanh toán phần khối lượng công việc bên Công ty A đã thi công trên thực tế đạt chất lượng với số tiền 1.224.000.000 đồng. Nếu trường hợp Công ty A không đồng ý với yêu cầu của Công ty C thì Công ty C đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Ngày 24/12/2021 Công ty C có đơn yêu cầu phản tố gửi đến Tòa án nhân dân huyện SS, đề nghị giải quyết các nội dung sau:

Công ty A vi phạm hợp đồng về tiến độ thi công, đến hạn ngày 19/12/2019 vẫn chưa thi công xong để bàn giao công trình dẫn đến Công ty C phải thuê văn phòng cho nhân viên làm việc. Cụ thể là thuê văn phòng của Công ty D theo các hợp đồng số 09/2019 ngày 25/7/2019 và Phụ lục hợp đồng số 08, 09, 10 có tổng số tiền thuê văn phòng từ ngày 01/03/2020 đến ngày 31/5/2020 là 99.947.029 đồng.

Tiền thuê kho bãi lưu máy nhập khẩu tại bãi và kho cảng HP: Cũng vì việc Công ty A vi phạm Hợp đồng về tiến độ thi công nên máy móc công ty không thể đưa về lắp đặt tại nhà xưởng được mà phải thuê kho bãi để lưu tại cảng HP từ ngày 29/12/2019 đến ngày 07/07/2020 với chi phí 250USD/ngày/1 container. Tổng số tiền thuê kho trong thời gian này là 1.148.642.312 đồng.

Tiền thuê đơn vị khác hoàn thành nốt công trình để đưa vào sử dụng: Do hết thời hạn Hợp đồng mà Công ty A vẫn không thi công xong các hạng mục cửa chống cháy, sửa máng nước và mái tôn, bít cửa, sơn chống cháy của công trình nên công ty phải thuê bên thứ ba thi công nốt công trình để đưa vào sử dụng. Chi phí này hết 420.556.037 đồng.

Phạt vi phạm: yêu cầu Công ty A phải chịu khoản tiền phạt do vi phạm tiến độ thi công theo Điều 12 của Hợp đồng với số tiền là 731.856.168 đồng.

Tổng số tiền Công ty C yêu cầu Công ty A phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại là 2.401.001.546 đồng.

Căn cứ để Công ty 3 PA yêu cầu bồi thường là:

+ Công ty A vi phạm tiến độ thi công quy định tại Điều 3 của Hợp đồng. Đến ngày 19/12/2019 là thời hạn cuối cùng phải thi công xong và bàn giao công trình (đã tính cả 05 ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng, trời mưa không thi công được) nhưng Công ty A không thi công xong để bàn giao.

Căn cứ điểm k khoản 2 Điều 113 Luật xây dựng năm 2014 quy định Nhà thầu thi công xây dựng có nghĩa vụ sau: “Bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng sử dụng vật liệu không đúng chủng loại, không bảo đảm yêu cầu theo thiết kế được duyệt, thi công không bảo đảm chất lượng, gây ô nhiễm môi trường và hành vi vi phạm khác do mình gây ra”.

Căn cứ Điều 360 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ: “Trường hợp có thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ gây ra thì bên có nghĩa vụ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Như vậy, căn cứ các quy định các pháp luật nêu trên, Công ty A đã vi phạm Hợp đồng về tiến độ thi công công trình thì phải có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại cho công ty chúng tôi, bao gồm: Thuê văn phòng làm việc cho nhân viên, thuê kho bãi để lưu máy nhập khẩu tại bãi và tại kho cảng HP và chi phí thuê đơn vị thứ 3 hoàn thành nốt công trình để đưa vào sử dụng.

Căn cứ Điều 12 của Hợp đồng quy định: “Trường hợp bên B vi phạm về thời hạn thực hiện hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên A gây ra, Bên B sẽ phải chịu mức phạt là: 10.000.000 đồng cho ngày chậm đầu tiên, mỗi ngày chậm tiếp theo sẽ tăng 5.000.000 đồng nhưng tổng số tiền phạt không vượt quá 12% giá trị hợp đồng”. Do đó, Công ty C yêu cầu Công ty A phải chịu khoản phạt do vi phạm tiến độ thi công như trên.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2022 ngày 14/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện SS, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm b, Khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 112, 123, 124 Luật xây dựng năm 2014; Điều 39, Điều 41 Nghị định số 37/2015/NĐ – CP.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

- 1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với Công ty C.*
- 2. Buộc Công ty C thanh toán trả cho Công ty A tổng số tiền 2.822.770.035đ (Hai tỷ, tám trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn, không trăm ba mươi lăm đồng).*
- 3. Buộc Công ty C thanh toán trả cho Công ty A tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 17/01/2020 đến ngày xét xử là (02 năm 04 tháng 28 ngày x 10%/năm) với số tiền 680.601.216đ (Sáu trăm tám mươi triệu, sáu trăm linh một nghìn, hai trăm mười sáu đồng).*
- 4. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty A về việc buộc Công ty C thanh toán số tiền 694.880.140đ (Sáu trăm chín mươi tư triệu, tám trăm tám mươi nghìn, một trăm bốn mươi đồng)*
- 5. Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty C đối với Công A về việc buộc công ty A phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại là 2.401.001.546đ (Hai tỷ, bốn trăm linh một triệu, không trăm linh một nghìn, năm trăm bốn mươi sáu đồng).*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Về án phí: Công ty C phải nộp 113.904.372đ (Một trăm mười ba triệu, chín trăm linh tư nghìn, ba trăm bảy mươi hai đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm được trừ vào số tiền 40.010.000đ (Bốn mươi triệu, không trăm mười nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo BL thu số 0004620 ngày 04/01/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện SS. Công ty C còn phải nộp tiếp số tiền 73.894.372đ (Bảy mươi ba triệu, tám trăm chín mươi tư nghìn, ba trăm bảy mươi hai đồng).

Công ty A phải nộp 56.307.531 (Năm mươi sáu triệu, ba trăm linh bảy nghìn, năm trăm ba mươi một đồng) tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm được trừ vào số tiền 53.228.464đ (Năm mươi ba triệu, hai trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi tư đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện SS theo BL thu số 0019203 ngày 10/11/2020. Công ty A phải nộp tiếp số tiền 3.079.067đ (Ba triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi bảy đồng).

7. Án xử công khai Công ty A và Công ty C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm,

- Công ty A kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, theo đó chấp thuận yêu cầu của Công ty A buộc bị đơn - Công ty C phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền theo yêu cầu khởi kiện, bao gồm cả khoản tiền 694.840.140 đồng.

- Công ty C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bác kháng cáo của bị đơn, vì nguyên đơn đã thực hiện được 100% khối lượng công việc trong hợp đồng.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bác kháng cáo của nguyên đơn, xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty A và chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty C, sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm theo hướng:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 2.907.770.000 đồng;

+ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại cho bị đơn số tiền 1.669.145.000 đồng, bao gồm: tiền thuê kho của HP: 1.148.642.000 đồng, tiền thuê văn phòng 99.947.000 đồng, tiền sửa chữa, hoàn thiện công trình 420.556.000 đồng.

+ Đối trừ nghĩa vụ các bên, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 1.238.625.000 đồng

+ Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự

+ Sửa án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với yêu cầu không được chấp nhận

Do chấp nhận một phần kháng cáo, nên các bên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty A và đơn kháng cáo của Công ty C được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty A với Công ty C phát sinh từ hợp đồng xây dựng, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn là Công ty C có địa chỉ tại Lô 24, 25, 26 Khu công nghiệp Nội Bài, xã Quang Tiến, huyện SS, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện SS, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Ngày 25/10/2019 Công ty A (sau đây viết tắt là Công ty A) đã ký hợp đồng thi công xây dựng công trình số 25/10/2019/HĐKT/TDP-3PTS (kèm theo phụ lục 01) với Công ty C (sau đây viết tắt là Công ty C).

Theo hợp đồng, Công ty A là nhà thầu sẽ thi công dự án: Cung cấp và lắp đặt nhà xưởng cho Công ty C là chủ đầu tư tại địa chỉ Khu công nghiệp NB, xã QT, huyện SS, thành phố Hà Nội giá trị của hợp đồng là 5.544.364.907 đồng, giá trị sau thuế là 6.098.801.398 đồng. Giá trị trên được tính theo phụ lục số 01 Bảng khối lượng. Thời gian thi công xây dựng và lắp đặt là 50 ngày kể từ ngày bên A giao mặt bằng. Thời gian bị chậm do nguyên nhân khách quan được tính thêm vào thời gian hoàn thành xây dựng.

Xét hợp đồng thi công công trình xây dựng số 25/10/2019 ngày 25/10/2019 được ký giữa hai công ty đáp ứng đầy đủ các nội dung và chủ thể ký kết hợp đồng trên cơ sở bình đẳng, tự do, tự nguyện thoả thuận, nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên có hiệu lực thi hành.

Điều kiện thanh toán được các bên thoả thuận trong hợp đồng được thực hiện 4 giai đoạn sau:

- Giai đoạn 1: Công ty C tạm ứng cho Công ty A một khoản tiền bằng 30% giá trị hợp đồng (ngày 06/11/2019 Công ty C thanh toán 1.825.640.419 đồng bằng 30% giá trị hợp đồng)

- Giai đoạn 2: Công ty C sẽ thanh toán tới 60% tổng giá trị hợp đồng (bao gồm cả phát sinh nếu có) trong vòng 5 ngày làm việc sau khi Công ty A gửi bộ yêu cầu

thanh toán bao gồm: Đề nghị thanh toán, Biên bản nghiệm thu giai đoạn hạng mục xà gỗ và tập kết toàn bộ tôn mái, tấm panel tường về công trường. Với thoả thuận trên được hiểu Công ty C phải thanh toán tiếp 30% tổng giá trị hợp đồng tương đương với 1.829.640.419 đồng. Ngày 10/01/2020 Công ty C đã thanh toán 1.097.784.252 đồng, nên còn thiếu 731.856.168 đồng.

- Giai đoạn 3: Công ty C thanh toán tới 90% tổng giá trị hợp đồng (bao gồm cả phát sinh nếu có) trong vòng 5 ngày làm việc sau khi Công ty A gửi bộ yêu cầu thanh toán bao gồm: Đề nghị thanh toán, Biên bản nghiệm thu giai đoạn hạng mục đổ nền bê tông. Được hiểu số tiền phải thanh toán đợt này là 30% tổng giá trị hợp đồng tương đương số tiền 1.829.640.419 đồng. Phần này Công ty A đã thực hiện nhưng chưa được Công ty C thanh toán do các bên còn chưa thống nhất về số lượng và chất lượng công trình cũng như thời gian thi công bị kéo dài.

- Giai đoạn 4: Theo hợp đồng bên A thanh toán đến 100% tổng giá trị hợp đồng (bao gồm cả phát sinh nếu có) sau khi bên B gửi yêu cầu thanh toán bao gồm: Đề nghị thanh toán, hoá đơn VAT, biên bản bàn giao và nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng, bảo lãnh bảo hành không huỷ ngang và vô điều kiện tương ứng với 5% tổng giá trị hợp đồng. Bảo lãnh được phát hành bởi ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực trong 12 tháng kể từ ngày bàn giao. Ngày 17/01/2020 Công ty C không cho Công ty A vào làm tiếp nên công trình chưa hoàn thành. Án sơ thẩm nhận định Công ty C không phải thanh toán cho Công ty A 10% giá trị hợp đồng còn lại là có căn cứ.

Ngoài các nội dung công việc trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng số 01 thì giữa Công ty A và Công ty C còn phát sinh một số hạng mục theo các phụ lục số 02, 03, 04.

Án sơ thẩm xác định Công ty C còn nợ Công ty A 2.907.770.055 đồng là đúng. Nhưng nhận định trong giai đoạn 3 Công ty A chậm tiến độ nên bị phạt số tiền 85.000.000 đồng, vì vậy buộc Công ty C phải thanh toán cho Công ty A số tiền gốc 2.822.770.055 đồng là không đúng bởi lẽ khi xét việc vi phạm hợp đồng cần đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện hợp đồng và xác định lỗi của bên vi phạm, nên xác định Công ty C còn nợ Công ty A trong giai đoạn 3 là 2.907.770.055 đồng.

Công ty A yêu cầu Công ty C phải trả 680.601.216 đồng tiền lãi do chậm thanh toán. Xét việc chậm thanh toán là do Công ty A cung cấp nguyên vật liệu không đúng theo thoả thuận đã được các bên thống nhất trong hợp đồng, dẫn tới tranh chấp và làm chậm tiến độ thi công. Án sơ thẩm xử buộc Công ty C phải trả 680.601.216 đồng tiền lãi do chậm thanh toán là không có căn cứ, nên sửa lại phần này của án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận.

Xét yêu cầu phản tố cũng như nội dung kháng cáo của Công ty C, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ vào hợp đồng thi công xây dựng công trình số 25/10/2019. Các bên đã thoả thuận thời gian thực hiện hợp đồng là 50 ngày cộng 5 ngày mưa tổng là 55 ngày kể từ ngày 25/10/2019. Như vậy đến ngày 19/12/2019 công trình phải được hoàn thành và bàn giao cho Công ty C. Nhưng Công ty A chưa hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng do các nguyên nhân sau:

- Công ty A đưa lưới sắt nền về công trình ngày 26/11/2019 nhưng sai quy cách. Cụ thể trong hợp đồng yêu cầu dùng lưới sắt có đường kính 8mm nhưng Công ty A cung cấp lưới sắt có đường kính 7mm nhỏ hơn 14,28% so với yêu cầu và đến tận ngày 17/12/2019 Công ty A mới thay lưới sắt có đường kính 8mm (chậm 19 ngày).

- Theo hợp đồng Công ty C yêu cầu dùng kính HL, nhưng Công ty A đưa đến loại kính khác. Khi bị phát hiện, thì ngày 11/01/2020 Công ty A mới đưa đến loại kính HL (chậm 25 ngày)

- Công ty A dùng sơn A300 không đúng loại sơn DW để sơn tường trong và ngoài nhà máy.

- Công ty A không làm đầy đủ phân máng nước lợp mái tôn, không đúng kỹ thuật nên nước mưa chảy vào nhà máy dẫn đến không đưa được máy móc vào để hoạt động.

Tại phiên toà phúc thẩm, Công ty A cũng thừa nhận đã làm chậm tiến độ so với thời gian trong hợp đồng, lỗi không phải do nguyên nhân khách quan, nên Công ty A phải chịu trách nhiệm bồi thường những thiệt hại cho Công ty C.

Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty C là những thiệt hại thực tế đã xảy ra, được những người làm chứng như Công ty E, Công ty F, Công ty G xác nhận tại phiên toà phúc thẩm. Công ty C phải thuê kho bãi lưu máy nhập khẩu tại cảng HP do chưa chuyển được về nhà máy với số tiền thuê là 1.148.642.000 đồng, tiền thuê văn phòng để cán bộ nhân viên làm việc là 99.947.000 đồng, tiền thuê các đơn vị khác thi công hoàn thiện phần công trình mà Công ty A chưa làm xong là 420.556.000 đồng, nên Công ty A phải bồi thường toàn bộ thiệt hại trên cho Công ty C. Tổng cộng là 1.669.145.000 đồng.

Do Công ty A có lỗi trong việc làm chậm tiến độ thi công nên phải bồi thường thiệt hại cho Công ty C. Do vậy không chấp nhận yêu cầu của Công ty C về việc buộc Công ty A phải chịu phạt 731.856.168 đồng.

Từ những phân tích trên và theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 357; Điều 360; Điều 468 Bộ luật Dân sự

Áp dụng Điều 112, 123, 124 Luật Xây dựng năm 2014

Áp dụng Điều 39, Điều 41 Nghị định số 37/2015/NĐ – CP

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của Công ty A và chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của Công ty C

- Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 14/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện SS, thành phố Hà Nội và xử như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với Công ty C

Buộc Công ty C phải thanh toán cho Công ty A số tiền 2.907.770.000 đồng

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty C đối với Công ty A

Buộc Công ty A phải bồi thường thiệt hại cho Công ty C số tiền, cụ thể như sau: Tiền thuê kho của HP: 1.148.642.000 đồng; Tiền thuê VP: 99.947.000 đồng; Tiền thuê các công ty hoàn thiện phần còn lại của công trình và sửa chữa khắc phục những công việc Công ty A chưa hoàn thiện: 420.556.000 đồng. Tổng cộng là: 1.669.145.000 đồng

3. Đối trừ nghĩa vụ thì Công ty C phải thanh toán cho Công ty A số tiền 1.238.625.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự

5. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 55.799.340 đồng, được trừ 53.228.464 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019203 ngày 10/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện SS, thành phố Hà Nội, nên còn phải nộp 2.570.876 đồng

- Công ty C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 82.432.990 đồng, được trừ 40.010.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004620 ngày 04/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện SS, thành phố Hà Nội, nên còn phải nộp 42.422.990 đồng

6. Về án phí phúc thẩm:

- Hoàn trả Công ty A 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai số AA/2020/0005146 ngày 30/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện SS, thành phố Hà Nội.

- Hoàn trả Công ty C 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai số AA/2020/0005134 ngày 28/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện SS, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS huyện SS, tp Hà Nội;
- TAND huyện SS, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn